TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI -TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 9-2019
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy; Bà Lê Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 26/2019/TB-XX ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Anh Đ, tên gọi khác: Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1969, Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1970, Có mặt

Nguyên đơn và bị đơn cùng địa chỉ: Tổ dân phố H (tổ 44 cũ), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-7-2019 và các tài liệu có trong hồ sơ cùng lời khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Vũ Anh Đ (Vũ Ngọc Đ) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 3 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh chị đã tự hòa giải nhưng không có kết quả. Anh Đ và chị N đã ly thân

từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Về nuôi con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Tuyết N có 02 con chung là Vũ Ngọc Diễm L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001 và Vũ Ngọc Hà V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2003. Cháu L đã đến tuổi trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu V anh đề nghị giao cho chị N nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vũ Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và tại phiên toà bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết N nhất trí với lời trình bày của anh Vũ Anh Đ về thời gian, địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ ngoại tình không quan tâm đến gia đình, chị N nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Đ không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị N không đồng ý ly hôn anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Vũ Anh Đ có 02 con chung là Vũ Ngọc Diễm L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001 và Vũ Ngọc Hà V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2003. Cháu L đã đến tuổi trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Tuyết N không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị N đề nghị chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố H (tổ 44 cũ), phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 3 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, anh Đ không quan tâm đến gia đình, anh Đ và chị N đã tự hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không có biện pháp hòa giải gì để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của anh Vũ Anh Đ là có căn cứ, cần chấp nhận xử cho anh Đ được ly hôn chị N.

[3] Về con chung: Anh Vũ Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N có 02 con chung là Vũ Ngọc Diễm L, sinh ngày 12 tháng 6 năm 2001 và Vũ Ngọc Hà V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2003. Cháu Vũ Ngọc Diễm L đã đến tuổi trưởng thành nên anh Đ và chị N không đề nghị Tòa án giải quyết; Cháu Vũ Ngọc Hà V hiện đang ở với chị N, anh Đ và chị N cùng có nguyện vọng giao cháu Vũ Ngọc Hà V cho chị N nuôi dưỡng, cháu V cũng có nguyện vọng sống cùng chị N. Như vậy, đề nghị của anh Đ chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vũ Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N thỏa thuận anh Đ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Hà V số tiền là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01 tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Anh Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Tuyết N đề nghị chia tài sản chung, tuy nhiên chị Nga đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của tòa án. Tại bản tự khai của chị N cũng như trong quá trình hòa giải, công khai chứng cứ chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Tuyết N có quyền khởi kiện yêu cầu tòa án chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Vũ Anh Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Tuyết N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Anh Đ (Vũ Ngọc Đ) được ly hôn chị Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc Hà V, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2003. Anh Vũ Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/01tháng kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Vũ Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên nếu anh Vũ Anh Đ không thanh toán đúng thời hạn. Anh Đ còn phải chịu lãi xuất chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Anh Vũ Anh Đ (Vũ Ngọc Đ) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/00005024, ngày 29-7- 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Anh Vũ Anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Vũ Anh Đ (Vũ Ngọc Đ) và chị Nguyễn Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Yên Bái;
- VKS TP.Yên Bái;
- Chi cục THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND P. Nguyễn Thái Học, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đình Lâm